|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC  KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP    Số: 560 /TB-ĐHKTKTCN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**   Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2020 |

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH**

**ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2020**

***(Bổ sung thông báo số*** *286/TB-ĐHKTKTCN ngày 01 tháng 6 năm 2020)*

- Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học, tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

- Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 01/2019/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Thông báo số 286/TB-ĐHKTKTCN ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2020, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp thông báo tuyển sinh đại học hệ chính quy với các nội dung sau:

**1. Thông tin ngành, chuyên ngành và chỉ tiêu tuyển sinh:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã ngành** | **Tên ngành/chuyên ngành** | **Chỉ tiêu (dự kiến)** | | **Tổ hợp môn xét tuyển** |
| **Cơ sở Hà Nội** | **Cơ sở Nam Định** |
| 1 | 7220201 | Ngành Ngôn ngữ Anh | 148 | 63 | A01 và D01 |
| *Chuyên ngành Biên phiên dịch* |
| *Chuyên ngành Giảng dạy* |
| 2 | 7540101 | Ngành Công nghệ thực phẩm | 119 | 51 | A00; A01; B00 và D01 |
| *Chuyên ngành Công nghệ đồ uống và đường bánh kẹo* |
| *Chuyên ngành Công nghệ chế biến và bảo quản nông sản* |
| 3 | 7540202 | Công nghệ sợi, dệt | 25 | 10 | A00; A01; D01 và C01 |
| 4 | 7540204 | Ngành Công nghệ dệt, may | 200 | 85 |
| *Chuyên ngành Công nghệ may* |
| *Chuyên ngành Thiết kế Thời trang* |
| 5 | 7480201 | Ngành Công nghệ thông tin | 420 | 180 |
| *Chuyên ngành Công nghệ thông tin* |
| *Chuyên ngành Hệ thống thông tin* |
| *Chuyên ngành Truyền dữ liệu và mạng máy tính* |
| 6 | 7480102 | Ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu | 92 | 39 |
| *Chuyên ngành Mạng máy tính & truyền thông dữ liệu* |
| *Chuyên ngành An toàn thông tin* |
| 7 | 7510301 | Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | 230 | 100 | A00; A01; D01 và C01 |
| *Chuyên ngành Điện dân dụng và công nghiệp* |
| *Chuyên ngành Hệ thống cung cấp điện* |
| *Chuyên ngành Thiết bị điện, điện tử* |
| 8 | 7510303 | Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 227 | 98 |
| *Chuyên ngành Tự động hóa công nghiệp* |
| *Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và hệ thống thông minh* |
| *Chuyên ngành Thiết bị đo thông minh* |
| 9 | 7510302 | Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông | 192 | 83 |
| *Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông* |
| *Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử* |
| 10 | 7510201 | Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 231 | 99 |
| *Chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy* |
| *Chuyên ngành Máy và cơ sở thiết kế máy* |
| 11 | 7510203 | Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | 122 | 52 |
| *Chuyên ngành Kỹ thuật Robot* |
| *Chuyên ngành Hệ thống Cơ điện tử* |
| *Chuyên ngành Hệ thống Cơ điện tử trên Ô tô* |
| 12 | 7340301 | Ngành Kế toán | 630 | 270 |
| *Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp* |
| *Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn* |
| *Chuyên ngành Kế toán công* |
| *Chuyên ngành Kế toán kiểm toán* |
| 13 | 7340101 | Ngành Quản trị kinh doanh | 420 | 180 |
| *Chuyên ngành Quản trị kinh doanh* |
| *Chuyên ngành Quản trị Marketing* |
| *Chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng* |
| 14 | 7340121 | Ngành Kinh doanh thương mại | 105 | 45 |
| *Chuyên ngành Kinh doanh thương mại* |
| *Chuyên ngành Thương mại điện tử* |
| 15 | 7340201 | Ngành Tài chính - Ngân hàng | 246 | 106 |
| *Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp* |  |
| *Chuyên ngành Ngân hàng* |  |
| *Chuyên ngành Tài chính bảo hiểm* |  |
| *Chuyên ngành Đầu tư tài chính* |  |
| 16 | 7480108 | Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính | Nhà trường dự kiến tuyển sinh trong đợt 2 | |  |
| 17 | 7810103 | Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |  |
| *Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành* |  |
| *Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn* |  |
| ***Cộng*** | | | ***3.407*** | ***1.461*** |  |

***Ghi chú:***

***- 85% các ngành Nhà trường đang đào tạo đạt chuẩn kiểm định. Được công nhận là Trường hàng đầu cả nước có tỷ lệ đạt chuẩn kiểm định cao nhất;***

***- Hai ngành số thứ tự 16, 17 Nhà trường dự kiến sẽ tuyển sinh trong đợt 2 từ ngày 12/10/2020: Thí sinh có thể đăng ký mới hoặc đổi từ ngành đã đăng ký tại Trường.***

**2. Thời gian điều chỉnh nguyện vọng:**

- Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT theo phương thức trực tuyến từ ngày 19/09 đến 17h 00’ ngày 25/09/2020;

- Thí sinh thực hiện điều chỉnh nguyện vọng ĐKXT bằng phiếu ĐKXT tại Sở GD&ĐT địa phương từ ngày 19/09 đến 17h00’ ngày 27/09/2020.

**3. Chính sách ưu tiên:**

- Thí sinh trúng tuyển nhập học được hưởng học bổng khuyến khích học tập, chính sách ưu tiên, ưu đãi theo quy định hiện hành;

- Thí sinh được tùy ý lựa chọn địa điểm học tập Hà Nội hoặc Nam Định theo nhu cầu của cá nhân. Nhà trường ưu tiên điểm xét tuyển **thấp hơn** và miễn phí 500 chỗ ở KTX năm học 2020 - 2021 cho thí sinh học tập tại cơ sở Nam Định.

- Năm học 2020 - 2021 Nhà trường áp dụng chính sách cấp “Học bổng khuyến khích tài năng” và “Học bổng hỗ trợ học tập” cho thí sinh trúng tuyển và nhập học trong kỳ tuyển sinh năm 2020, nhằm khuyến khích những thí sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, đồng thời tạo điều kiện cho thí sinh có thêm cơ hội và yên tâm học tập tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, cụ thể:

+ Cấp 10 suất học bổng khuyến khích tài năng (học bổng KKTN) - Nhóm 1 với mức bằng 140% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;

+ Cấp 20 suất học bổng khuyến khích tài năng (học bổng KKTN) - Nhóm 2 với mức 120% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;

+ Cấp 100 suất học bổng khuyến khích tài năng (học bổng KKTN) - Nhóm 3 với mức 100% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;

+ Cấp 350 suất học bổng hỗ trợ học tập (học bổng HTHT) với mức 50% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;

+ Cấp 450 suất học bổng hỗ trợ học tập (học bổng HTHT) với mức 25% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn.

Số lượng suất học bổng được phân chia cho các ngành như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ngành** | **Số suất học bổng dự kiến** | | | | | |
| Học bổng KKTN | | | Học bổng HTHT | | ***Cộng*** |
| *Nhóm*  *1* | *Nhóm*  *2* | *Nhóm*  *3* | *Nhóm*  *1* | *Nhóm 2* |
| 1 | Kế toán | 1 | 2 | 10 | 45 | 45 | ***103*** |
| 2 | Quản trị kinh doanh | 1 | 1 | 8 | 35 | 42 | ***87*** |
| 3 | Tài chính - Ngân hàng | 1 | 2 | 8 | 35 | 40 | ***86*** |
| 4 | Kinh doanh thương mại | 0 | 1 | 5 | 15 | 20 | ***41*** |
| 5 | Công nghệ sợi, dệt | 0 | 1 | 4 | 10 | 15 | ***30*** |
| 6 | Công nghệ dệt, may | 0 | 1 | 7 | 20 | 30 | ***58*** |
| 7 | Công nghệ thực phẩm | 0 | 2 | 5 | 20 | 30 | ***57*** |
| 8 | Công nghệ thông tin | 1 | 1 | 7 | 30 | 32 | ***71*** |
| 9 | CN kỹ thuật ĐK và tự động hóa | 1 | 1 | 7 | 30 | 32 | ***71*** |
| 10 | CN kỹ thuật điện, điện tử | 1 | 1 | 5 | 10 | 20 | ***37*** |
| 11 | CNKT điện tử - viễn thông | 1 | 3 | 12 | 40 | 52 | ***108*** |
| 12 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | 1 | 1 | 7 | 30 | 32 | ***71*** |
| 13 | Mạng MT và truyền thông DL | 1 | 1 | 5 | 10 | 20 | ***37*** |
| 14 | CN kỹ thuật cơ điện tử | 1 | 1 | 5 | 10 | 20 | ***37*** |
| 15 | Ngôn ngữ Anh | 0 | 1 | 5 | 10 | 20 | ***36*** |
| ***Cộng*** | | ***10*** | ***20*** | ***100*** | ***350*** | ***450*** | ***930*** |

Mức kinh phí cụ thể cho các suất học bổng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại học bổng** | **Số suất** | **Mức học bổng**  **/suất/tháng (đồng)** | **Mức học bổng**  **/suất/học kỳ (đồng)** | **Tổng cộng học bổng cấp cho SV (đồng)** |
| Học bổng KKTN - Nhóm 1 | 10 | 2,240,000 | 11,200,000 | 112,000,000 |
| Học bổng KKTN - Nhóm 2 | 20 | 1,920,000 | 9,600,000 | 192,000,000 |
| Học bổng KKTN - Nhóm 3 | 100 | 1,600,000 | 8,000,000 | 800,000,000 |
| Học bổng HTHT - Nhóm 1 | 350 | 800,000 | 4,000,000 | 1,400,000,000 |
| Học bổng HTHT - Nhóm 2 | 450 | 400,000 | 2,000,000 | 900,000,000 |
| ***Tổng cộng*** | ***930*** |  |  | ***3.404.000.000*** |

***Ghi chú:*** *Chi tiết các nội dung về điều kiện xét học bổng được quy định tại Thông báo số: 185/TB-ĐHKTKTCN ngày 13/4/2020 của Hiệu trưởng Nhà trường.*

**4. Các mô hình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội dành cho sinh viên:** Nhà trường tạo điều kiện cho các Sinh viên đăng ký các lớp theo nhu cầu cụ thể như sau:

**4.1. Mô hình đào tạo song song hai chương trình:** Nhà trường triển khai đào tạo song song hai chương trình, sinh viên có đủ điều kiện được tham gia học tập ngành đào tạo thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai bằng đại học hệ chính quy.

**4.2.Mô hình đào tạo theo chuyên ngành:** Sinh viên được đăng ký học các chuyên ngành như trong mục 1 nếu đủ số lượng để mở lớp.

**4.3. Mô hình đào tạo, tổ chức lớp chất lượng:**

Sinh viên các lớp CHẤT LƯỢNG được Nhà trường cam kết các nội dung sau đây:

***Năng lực ngoại ngữ:***

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh đạt trình độ IELTS 5.5, B2 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương;

- Được học một số học phần trong chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.

***Kỹ năng mềm được đào tạo bao gồm:***

- Kỹ năng lắng nghe;

- Kỹ năng giao tiếp;

- Kỹ năng quản lý thời gian;

- Kỹ năng giải quyết vấn đề;

- Kỹ năng làm việc theo nhóm;

- Khả năng linh hoạt, thích nghi nhanh với sự thay đổi;

- Kỹ năng làm việc áp lực cao.

***Đào tạo thực tế tại doanh nghiệp hợp tác với Nhà trường:*** Được Nhà trường giới thiệu đào tạo tại các doanh nghiệp lớn, uy tín.

***Điều kiện cơ sở vật chất và dịch vụ:***

- Được sử dụng các phòng học riêng;

- Số sinh viên mỗi lớp < 30;

- Được tạo điều kiện hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính sinh viên;

- Được giảng dạy bởi giảng viên có uy tín.

***Quyền lợi của người học:***

- Ưu tiên tham gia các chương trình hợp tác đào tạo quốc tế của Nhà trường như chương trình trao đổi sinh viên, chương trình thực tập sinh quốc tế;

- Được cấp các chứng nhận kỹ năng nghề nghiệp đối với các học phần đào tạo nâng cao;

- Được ưu tiên giới thiệu làm việc tại những doanh nghiệp có hợp tác đào tạo với Nhà trường.

**4.4. Mô hình đào tạo hợp tác doanh nghiệp:** Năm cuối sinh viên có cơ hội được doanh nghiệp tuyển dụng, hỗ trợ học phí và học tập tại doanh nghiệp theo chương trình hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp;

**4.5. Mô hình đào tạo hợp tác Quốc tế:** Sinh viên có cơ hội tham gia các chương trình trao đổi sinh viên, du học, thực tập sinh... tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan.

**5. Địa chỉ liên hệ nộp hồ sơ ĐKXT:** Phòng Tuyển sinh và Truyền thông

- Cơ sở Hà Nội:

+ Phòng 109 nhà HA3, khu giảng đường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;Ngõ 454, Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

+ Nơi giải quyết thủ tục sinh viên - Tầng 1 nhà HA8, khu giảng đường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Số 218 Đường Lĩnh Nam, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội.

- Cơ sở Nam Định: Nơi giải quyết thủ tục sinh viên - Tầng 1 nhà NA2, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; Số 353, Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định.

**-** Điện thoại: 02436331854; Hotline: 0962698288

- Email: [tuyensinh@uneti.edu.vn](mailto:tuyensinh@uneti.edu.vn)

**-** Website: [www.uneti.edu.vn](http://www.uneti.edu.vn) ; [www.tuyensinh.uneti.edu.vn](http://www.tuyensinh.uneti.edu.vn)

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi gửi:**  - Website trường;  - Các đơn vị trong và ngoài trường;  - Các trường THPT;  - Lưu VT, TS&TT. | **HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐTS**  *(đã ký)*  ***TS Trần Hoàng Long*** |